

Bản án số: 131/2023/HS-PT

Ngày 25/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Mai Hoa và bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 141/2023/TLPT-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Văn Q và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2023/HS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Phạm Văn Q, sinh năm 1984 tại Hải Dương; nơi đăng ký thường trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Số 9F T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm H5 và bà Phạm Thị Q5; có vợ là Nguyễn Thị Th1 và ba con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: không; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4401 ngày 29/11/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt Phạm Văn Q 30.000.000 đồng về hành vi Sản xuất hàng giả mạo nhãn hàng hoá, đã nộp phạt ngày 30/11/2018. Bị bắt tạm giam từ ngày 07/5/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1989 tại Hải Dương; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Doãn L5 và bà Nguyễn Thị N9; có chồng là Nguyễn

Kim Kh và ba con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

3. Trần Thị L, sinh năm 1973 tại Hải Dương; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Thôn C, xã K huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đắc Đ8 và bà Nguyễn Thị L10; có chồng là Nguyễn Văn Kh1 và ba con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

4. Phạm Văn B, sinh năm 1982 tại Hải Dương; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Khu 2, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị X; có vợ là Nguyễn Thị A và ba con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

5. Vũ Thị Kim O (tên gọi khác Vũ Thị O), sinh năm 1971 tại Hải Dương; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt đảng tại Chi bộ thôn T, xã T, huyện N, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Vũ Mạnh H9 và bà Bùi Thị H10; có chồng là Trần Văn H11 và hai con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 14/11/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

6. Vũ Bá T, sinh năm 1960 tại Hải Dương; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt đảng tại Chi bộ thôn H, xã C, huyện T, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Vũ Bá B và bà Trần Thị Y; có vợ là Vũ Thị G và hai con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 07/5/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Vụ án còn có bị cáo Phạm Tiến H15 có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo và 09 bị cáo không có kháng cáo. Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MTV năng lượng xanh toàn cầu (*viết tắt Công ty năng lượng xanh toàn cầu*) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp mã số doanh nghiệp 0801289802 ngày 07/6/2019, do Phạm Văn Q (là Giám đốc Công ty) làm chủ sở hữu, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 13/11/2020 chuyển đổi chủ sở hữu, giám đốc từ Phạm Văn Q sang Nguyễn Thị Th20, sinh năm 1987 (vợ Q), có trụ sở tại khu 7, phố T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương với nhiều ngành nghề đăng ký kinh doanh trong đó có buôn bán bếp gas, bình gas, gas, khí hoá lỏng.

Tháng 4/2020, Q thuê đất tại khu N, phường N, thành phố H của ông Nguyễn Bùi H3, sinh năm 1954 ở H, T, Hải Dương để làm kho chứa vật liệu và chỗ để xe ô tô. Do có nhiều năm kinh doanh về gas, có kinh nghiệm, hiểu biết về hoạt động sang chiết gas nên đầu năm 2021 Q sửa chữa, mua và lắp đặt các thiết bị máy móc như bồn chứa gas, hệ thống máy bơm, sản bơm, hệ thống điện... để làm xưởng sang chiết gas trái phép bán cho các đại lý kiếm lời.

Để có gas bán, ngoài việc mua gas trôi nổi không có hóa đơn giá trị gia tăng của một số đối tượng (*không xác định được nhân thân, lai lịch*), Q bảo chị Th20 (vợ Q) - Giám đốc Công ty năng lượng xanh toàn cầu ký hợp đồng với Công ty TNHH Super gas (*viết tắt Công ty Super gas*), địa chỉ tại Lô CN5.1C khu công nghiệp Đình Vũ thuộc khu kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng và Công ty TNHH kinh doanh dầu khí Việt Hải (*viết tắt Công ty Việt Hải*), địa chỉ tại xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương để mua gas dưới dạng xe bồn mang về xưởng sang chiết vào các bình loại 12kg, 45kg để bán (*chị Th20 không biết việc Q mua gas để sang chiết trái phép*). Đồng thời, để bình gas giống như bình gas của các công ty gas chính hãng, Q lên mạng internet đặt mua nhiều loại niêm màng co giả, tem giả của các công ty gas khác nhau để giao cho các đại lý tự đóng vào bình gas đã mua của Q rồi bán ra thị trường.

Quá trình sang chiết gas và bán cho các đại lý, Q thuê Phạm Văn Q1 làm nhiệm vụ quản lý, trông coi ghi chép, thông báo số gas nhập và xuất tại xưởng; thuê Bùi Văn L3, Phạm Tiến H0 làm nhiệm vụ sang chiết khí gas từ bồn chứa khí gas sang các bình gas; thuê Nguyễn Minh T4, Phạm Tiến H15 đi giao bán bình gas, giao niêm màng co, tem cho các đại lý; thuê Lê Văn L, sinh năm 1991 ở khu N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương lái xe bồn chở khí gas từ nơi bán về xưởng và thuê một số lái xe khác như Tr, T0, Đ8, Đ7, S6 chở bình gas

giao bán cho các đại lý (*Q thuê chở gas theo từng chuyến nên không xác định được nhân thân, lai lịch của những người này*).

Để tiêu thụ các bình gas, Q trực tiếp liên hệ với các đại lý rồi bảo T4, H15 đến chở vỏ bình về xưởng bơm, sau đó giao niêm màng co cho T4, H15 đi giao cùng các bình gas cho đại lý. Tại xưởng, Q1 theo dõi, ghi chép số lượng bình gas xuất bán cho các đại lý đến lấy gas tại xưởng và số lượng bình gas giao cho người làm thuê của Q đi bán cho đại lý đồng thời thông báo số lượng bình gas sang chiết ra theo chuyến, theo ngày để cho Q biết. Mỗi lần giao bình gas cho đại lý được T4 ghi chép vào sổ của mình số lượng bình gas đại lý mua trong chuyến đó. Việc thanh toán tiền thì đại lý đưa tiền trực tiếp cho T4, H15 để cầm về cho Q hoặc chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Q. Các bình gas có nhãn hiệu khác nhau được Q bán cùng một giá, giao động từ 170.000 đồng đến 315.000 đồng/01 bình 12kg tùy theo giá lên xuống của thị trường. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến ngày 10/10/2021, Q đã mua tổng số 624.695kg khí gas của Công ty Super gas và Công ty Việt Hải, sau đó sang chiết ra các bình gas loại 12kg, 45kg của các hãng gas khác nhau bán cho H15 và các đại lý kèm theo niêm màng co giả, tem giả, gồm: Nguyễn Thị Th, Vũ Bá T, Phạm Văn Ng, Nguyễn Văn K2, Vũ Thị Kim O, Phạm Văn B, Đàm Văn Ch6, Trương Đình Tr7, Trần Thị L, Phạm Tiến H15.

Các đại lý trên mặc dù có giấy phép kinh doanh bán lẻ bình gas, có hợp đồng làm đại lý bán lẻ bình gas cho các công ty phân phối nhưng khi thấy Q bán gas rẻ hơn so với gas mua của công ty từ 10.000 đồng/01 bình nên đã thoả thuận mua gas của Q mà không cần hợp đồng, giấy tờ gì. Q thoả thuận với các đại lý mua gas là Q sẽ giao bình gas kèm theo niêm màng co và tem để các đại lý tự đóng vào bình gas rồi bán ra thị trường. Chủ đại lý khi cần mua gas sẽ gọi điện cho Q, Q cử T4, H15 đến chở vỏ bình mang về xưởng để bơm. Sau khi bình gas được bơm đầy, T4, H15 thông báo số lượng bình gas, loại bình gas để Q chuẩn bị và đưa niêm màng co, tem với số lượng tương ứng với số bình gas cho T4, H15 mang đến giao cho các đại lý hoặc Q trực tiếp đến giao niêm màng co, tem cho đại lý để họ tự đóng vào bình gas. Nếu không có hoặc không đủ niêm màng co theo số lượng bình gas thì lần giao gas tiếp sau Q sẽ giao bù số niêm màng co, tem thiếu của lần trước để đại lý sử dụng.

Sau khi mua gas và nhận được niêm màng co, tem của Q, các đại lý đã tự đóng niêm màng co, dán tem vào bình gas để tiêu thụ bằng cách lấy niêm màng co giả có nhãn hiệu tương ứng với nhãn hiệu in trên vỏ bình rồi chụp vào van khoá bình gas, sử dụng phích đựng nước sôi dội hoặc máy khò nhiệt để nilon co sun lại bám vào van khoá bình gas, sau đó dán tem giả lên mặt ngoài của niêm màng co.

Ngày 11/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương tiến hành khám xét khẩn cấp tại xưởng sang chiết gas và chỗ ở của Q, thu giữ: 01 bồn chứa gas loại 12 tấn bên trong có 6.180kg gas, 04 cây bơm, hệ thống máy bơm gas, niêm màng co, tem của nhiều hãng gas và các đồ vật khác liên quan đến hoạt động sang chiết gas.

Về căn cứ xác định giá trị hàng giả đã thu giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Hải Dương định giá đối với các bình gas giả thu giữ tại xưởng của Q và thu tại các đại lý mua gas của Q. Đối với số lượng bình gas do Q bán cho các đại lý đã bán hết, không thu giữ được, căn cứ vào sổ sách ghi chép của Q1, T4, tin nhắn về việc chốt số liệu hàng ngày giữa Q1 với Q và lời khai nhận của các bị cáo về số lượng gas mua của Q rồi dán niêm màng co, tem giả thương hiệu của các hãng gas mà đại lý được phép kinh doanh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương có văn bản trao đổi với các Công ty và chi nhánh gas cung cấp giá bán gas hàng tháng của các công ty. Tuy nhiên, do các hãng gas cung cấp giá bình gas, khí gas của từng tháng với mức giá khác nhau nên áp dụng nguyên tắc có lợi cho người bị buộc tội tính theo giá khí gas với mức giá thấp nhất theo báo giá do công ty Hải Dương gas cung cấp, quy đổi ra giá của bình gas để xem xét xử lý đối với các bị cáo theo bảng giá các tháng cụ thể như sau: Tháng 01/2021, bình 12kg, trị giá 190.000 đồng/bình; bình 45kg trị giá 715.000 đồng/bình; Tháng 02/2021, bình 12kg, trị giá 206.000 đồng/bình; bình 45kg trị giá 773.000 đồng/bình; Tháng 3/2021, bình 12kg, trị giá 210.000 đồng/bình; bình 45kg trị giá 790.000 đồng/bình; Tháng 4/2021, bình 12kg, trị giá 196.000 đồng/bình; bình 45kg trị giá 736.000 đồng/bình; Tháng 5/2021, bình 12kg, trị giá 178.000 đồng/bình; bình 45kg trị giá 669.000 đồng/bình; Tháng 6/2021, bình 12kg, trị giá 190.000 đồng/bình; bình 45kg trị giá 715.000 đồng/bình; Tháng 7/2021, bình 12kg, trị giá 217.000 đồng/bình; bình 45kg trị giá 816.000 đồng/bình; Tháng 8/2021, bình 12kg, trị giá 227.000 đồng/bình; bình 45kg trị giá 852.000 đồng/bình; Tháng 9/2021, bình 12kg, trị giá 228.000 đồng/bình; bình 45kg trị giá 855.000 đồng/bình; Tháng 10/2021, bình 12kg, trị giá 266.000 đồng/bình; bình 45kg trị giá 998.000 đồng/bình.

Đối với số lượng gas thu tại nhà Q ngày 11/10/2021, tại Kết luận định giá tài sản số 1163 ngày 20/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND tỉnh Hải Dương, kết luận: Giá trị 6.180kg khí hóa lỏng (LPG) trong bồn chứa gas thu giữ của Phạm Văn Q là: 131.164.300 đồng.

Với phương pháp xác định giá trị hàng giả như nêu trên, xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 06/01/2021 đến 11/10/2021, Q đã bán 453.032 kg khí gas = 34.551 bình gas loại 12 kg và 45 kg cho 10 đại lý trên địa bàn tỉnh Hải

Dương tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là 7.715.746.081 đồng, cụ thể như sau:

1. Đối với Nguyễn Thị Th: Th trực tiếp đến xưởng sang chiết gas của Q để mua gas rồi đóng niêm màng co, tem giả vào bình gas để bán ra thị trường. Trong thời gian từ ngày 06/01/2021 đến ngày 11/10/2021, tổng số Th đã mua của Q 15.049 bình gas các loại, rồi đóng niêm màng co giả tiêu thụ ra thị trường tương đương với số lượng của hàng thật trị giá 3.325.511.619 đồng.

2. Đối với Phạm Tiến H15: Trong thời gian từ tháng 01/2021 đến 11/10/2021, tổng số H15 tham gia sản xuất, tiêu thụ gas giúp Q là 6.814 bình gas tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là 1.643.487.000 đồng.

3. Đối với Trần Thị L: Trong thời gian từ ngày 17/02/2021 đến ngày 05/10/2021, tổng số L đã mua của Q 5.366 bình gas loại 12kg và 45kg tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là: 1.216.985.000 đồng.

4. Đối với Phạm Văn B: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/02/2021 đến ngày 07/10/2021, tổng số B đã mua của Q 5.060 bình gas các loại tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là: 1.068.253.349 đồng.

5. Đối với Vũ Thị Kim O: Trong khoảng thời gian từ ngày 30/3/2021 đến ngày 08/10/2021, tổng số O đã mua của Q 2.949 bình gas rồi tự đóng niêm màng co và tem tiêu thụ ra thị trường, tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là 592.257.000 đồng.

6. Đối với Vũ Bá T: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/4/2021 đến ngày 09/10/2021, tổng số T đã mua của Q 1.114 bình gas các loại tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là 285.614.240 đồng.

7. Đối với Trương Đình Tr7: Trong khoảng thời gian từ ngày 05/3/2021 đến ngày 02/9/2021, tổng số Tr7 đã mua của Q 1.160 bình gas các loại, kèm theo niêm màng co rồi Tr7 tự niêm màng co vào bình gas tiêu thụ ra thị trường tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là: 245.066.000 đồng.

8. Đối với Đàm Văn Ch6: Trong ngày 22, 26/02/2021, tổng số Ch6 đã mua của Q 655 bình gas kèm theo niêm màng co rồi Ch6 tự niêm màng co vào bình gas tiêu thụ ra thị trường tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là: 152.180.873 đồng.

9. Đối với Phạm Văn Ng: Trong khoảng thời gian từ ngày 26/3/2021 đến ngày 08/10/2021, tổng số Ng đã mua của Q là 624 bình gas tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là 112.811.000 đồng.

10. Đối với Nguyễn Văn K2: Trong các ngày 23/02/2021, 08/5/2021, 09/10/2021 Q đã bán cho đại lý của K2 tổng số 398 bình gas loại 12kg, kèm theo niêm màng co để K2 tự niêm màng co vào các bình gas tiêu thụ ra thị trường tương đương với số lượng của hàng thật trị giá 82.788.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 205 ngày 07/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương, kết luận:

+ Chữ viết trong quyền sở (ký hiệu A1) thu giữ của Q1 với chữ viết của Phạm Văn Q1 trên các mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết trong quyền sở (ký hiệu A2) thu giữ của T4 với chữ viết của Nguyễn Minh T4 trên các mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định từ số 8033 đến số 8040 ngày 31/12/2021 của C09-Bộ Công an, kết luận: Các lớp in trên mẫu cần giám định (*là niêm màng co và tem trên các bình gas và thu giữ của các đối tượng Q, Th, T, Ng, Ch6, B, H15, H34*) so với niêm màng co, tem trên mẫu so sánh (*là niêm màng co và tem do các công ty gas cung cấp*) đều không phải do cùng các bản in tương ứng in ra.

Tại Kết luận giám định bổ sung từ số 1923 đến số 1929 ngày 30/6/2022 của C09-Bộ Công an, kết luận: Các lớp in trên mẫu cần giám định (*là niêm màng co và tem thu giữ của các đối tượng Th, T, Ng, H34, Ch6, B, H15*) so với các lớp in trên mẫu so sánh (*là niêm màng co, tem thu giữ của Q*) không phải hoặc không đủ cơ sở để xác định do cùng các bản in tương ứng in ra

Tại Chứng thư giám định về chủng loại từ số 22C01GND00622-08 đến số 22C01GND00622-15 ngày 03/3/2022 của Công ty Vinacontrol Hải Phòng xác định: Chất trong các bình gas thu giữ của các đối tượng Th, Ng, T, H34, H15, Ch6, B và chất trong bồn chứa thu của Q đều là khí LPG hoá lỏng, có chỉ tiêu chất lượng phù hợp với QCVN 8:2019/BKHCN- Quy chuẩn quốc gia về khí dầu mỏ hoá lỏng sử dụng làm khí đốt dân dụng và khí đốt công nghiệp.

Tại Kết luận giám định ngày 06/10/2022 của Cục Thuế tỉnh Hải Dương, kết luận: Công ty năng lượng xanh Toàn Cầu có bán hàng thực tế nhưng không xuất hóa đơn GTGT và không kê khai thuế là hành vi trốn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp. Do Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hải Dương không xác định được việc Phạm Văn Q bán hàng hóa (gas) không xuất hóa đơn giá trị gia tăng với số tiền là bao nhiêu nên không có cơ sở kết luận về số tiền trốn thuế đối với Công ty năng lượng xanh Toàn Cầu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2023/HS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H đã tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Tiến H15, Nguyễn Thị Th, Trần Thị L, Phạm Văn B, Vũ Thị Kim O, Vũ Bá T phạm tội Sản xuất, buôn bán hàng giả.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Q. Xử phạt bị cáo Q 07 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/5/2022.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192, điểm i, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm

Tiền H15. Xử phạt bị cáo H15 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/11/2022.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị Th, Phạm Văn B, Vũ Thị Kim O.

Xử phạt bị cáo Th 06 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo B 05 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/11/2022.

Xử phạt bị cáo O 05 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/11/2022.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị L. Xử phạt bị cáo L 05 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/11/2022.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 192, điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Bá T. Xử phạt bị cáo Vũ Bá T 03 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/5/2022.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với 9 bị cáo khác, quyết định về hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp, án phí và Q kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Q, L, O, B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo T kháng cáo xin được hưởng án treo. Bị cáo Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Bị cáo H15 có kháng cáo nhưng đã rút đơn kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo H15.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Q và bị cáo T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bị cáo Th, L, O, B giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Bị cáo B trình bày: Tất cả các bình gas Q giao cho bị cáo đều đã được dán sẵn niêm màng co và tem nên bị cáo không thực hiện hành vi sản xuất hàng giả mà chỉ có hành vi buôn bán hàng giả.

Bị cáo T trình bày: Bị cáo có bố để được nhà nước tặng thưởng Huân chương nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết này cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thiếu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thị

Th, Trần Thị L, Phạm Văn B, Vũ Thị Kim O, Vũ Bá T về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả là đúng quy định. Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng: Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xác định đúng vai trò của từng bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Q, Th, L, B, O, T có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung, tiền thu lợi bất chính, tiền án phí hình sự sơ thẩm nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt tù đối với từng bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Về án phí: Các bị cáo Q, Th, L, B, O phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do bị cáo T là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thị Th, Trần Thị L, Phạm Văn B, Vũ Thị Kim O, Vũ Bá T trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B khai mua bình gas của bị cáo Q đều có sẵn niêm màng co và tem. Xét thấy, lời khai của bị cáo không có căn cứ, không phù hợp với lời khai của bị cáo Q và các bị cáo khác tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; không phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên không có căn cứ chấp nhận. Lời khai của các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thị Th, Trần Thị L, Phạm Văn B, Vũ Thị Kim O, Vũ Bá T tại phiên tòa phúc thẩm cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cấp sơ thẩm, lời khai của người có Q lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 06/01/2021 đến ngày 11/10/2021 Phạm Văn Q mua gas của Công ty TNHH Super gas, địa chỉ tại Lô CN5.1C khu công nghiệp Đình Vũ thuộc khu kinh tế Đình Vũ- Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Công ty TNHH kinh doanh dầu khí Việt Hải, địa chỉ tại xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương và mua gas trôi nổi không rõ nguồn gốc, không có hóa đơn giá trị gia tăng dưới dạng xe bồn; thuê địa điểm, lắp đặt hệ thống sang chiết gas tại khu N, phường N, thành phố H. Q thuê Phạm Văn Q1, Bùi Văn L3 và Phạm Tiến H0 làm nhiệm vụ sang chiết ra các bình gas loại 12kg, 45kg; thuê Nguyễn Minh T4, Phạm Tiến H15, Phạm Tiến H0 đi giao bình

gas kèm theo niêm màng co, tem giả cho các đại lý. Sau khi nhận, các đại lý tự đóng niêm màng co, dán tem giả vào các bình gas để bán ra thị trường. Tổng số bình gas được Q bán cho H15 và 09 đại lý trên địa bàn tỉnh Hải Dương là 34.554 bình gas các loại, trị giá tương đương với hàng thật là 7.715.746.081 đồng. Trong đó, bị cáo Nguyễn Thị Th mua 15.049 bình gas các loại tương đương với số lượng của hàng thật trị giá 3.325.511.619 đồng; bị cáo Phạm Văn B mua 5.063 bình gas các loại tương đương với số lượng của hàng thật trị giá 1.068.253.349 đồng; bị cáo Trần Thị L đã mua 5.366 bình gas các loại tương đương với số lượng của hàng thật trị giá 1.216.985.000 đồng; bị cáo Vũ Thị Kim O đã mua 2.949 bình gas các loại tương đương với số lượng của hàng thật trị giá 592.257.000 đồng; bị cáo Vũ Bá T đã mua 1.112 bình gas các loại tương đương với số lượng của hàng thật trị giá 285.614.240 đồng. Ngoài ra còn có 05 bị cáo khác mua các bình gas giả của Q và một số bị cáo khác tham gia giúp sức cho Q trong việc sản xuất, tiêu thụ hàng giả.

Hành vi của các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thị Th, Phạm Văn B, Trần Thị L, Vũ Thị Kim O đã đủ yếu tố cấu thành tội Sản xuất, buôn bán hàng giả theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Vũ Bá T đã đủ yếu tố cấu thành tội Sản xuất, buôn bán hàng giả theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 192 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Q, Th, L, B, O, T về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về tội danh các bị cáo không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thị Th, Phạm Văn B, Trần Thị L, Vũ Thị Kim O, Vũ Bá T thì thấy:

[3.1] Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Q; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Th, O, B; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L; điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T. Các bị cáo Th, L, B, O, T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo là đúng quy định. Tại phiên tòa, bị cáo T khai cấp sơ thẩm áp dụng thiếu tình tiết giảm nhẹ là bố đẻ bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huy chương, xét thấy tình tiết giảm nhẹ này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do vậy không có căn cứ chấp nhận lời khai này của bị cáo.

[3.2] Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Q đã tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung và tiền án phí; các bị cáo Th, L, B, O đã tự nguyện nộp toàn bộ tiền phạt bổ

sung, tiền thu lợi bất chính và tiền án phí; bị cáo T đã tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.3] Bị cáo Q là người tổ chức sang chiết, mua vật liệu, mua niêm màng co, tem giả để sản xuất gas giả và đi tiêu thụ, giữ vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo Th, L, B, O, T là các đại lý mua gas của Q về tự dán niêm màng co, tem giả để tiêu thụ ra thị trường nên phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi của mình. Căn cứ vị trí, vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định mức hình phạt tù đối với từng bị cáo là phù hợp. Các bị cáo Th, L, B, O, T đều phạm tội rất nghiêm trọng nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo. Tuy nhiên, xét các bị cáo Q, Th, L, B, O, T lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, do vậy chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Th, L, O, B, T, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực thi hành nên Hội đồng xét xử quyết định bắt tạm giam bị cáo Nguyễn Thị Th ngay tại phiên tòa theo quy định tại Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự để đảm bảo việc thi hành án hình sự.

[5] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo Q, Th, L, B, O, T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Q.
2. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Th, Trần Thị L, Phạm Văn B, Vũ Thị Kim O (tên gọi khác Vũ Thị O), Vũ Bá T.
3. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2023/HS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với các bị cáo Q, Th, L, B, O, T.
4. Về tội danh và hình phạt:

4.1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Q. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 07 (*bảy*) năm tù về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/5/2022.

4.2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị Th, Phạm Văn B, Vũ Thị Kim O.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 05 (*năm*) năm 09 (*chín*) tháng tù về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Quyết định bắt, tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 05 (*năm*) năm tù về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/11/2022.

Xử phạt bị cáo O 05 (*năm*) năm tù về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/11/2022.

4.3. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị L. Xử phạt bị cáo L 05 (*năm*) năm tù về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/11/2022.

4.4. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 192, điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Bá T. Xử phạt bị cáo Vũ Bá T 03 (*ba*) năm tù về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/5/2022.

5. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thị Th, Trần Thị L, Phạm Văn B, Vũ Thị Kim O, Vũ Bá T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/9/2023./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cơ quan CSĐT, HSNV, THAHS - Công an thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất

